

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:11/2022/DS-ST
Ngày 30-8-2022
V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Văn Khiếu;

2- Ông Trương Xuân Vũ.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Chu Văn Đ** 38 tuổi

Địa chỉ: Thôn 8 xã M L- huyện L- Y, có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nông Thị T** 59 tuổi

Địa chỉ: Thôn 8 xã M L- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B 62 tuổi

Địa chỉ: Thôn 8 xã M L- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

4. Người làm chứng: Bà Hoàng Thị D

Địa chỉ: Thôn 8 xã M L- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15-4-2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Chu Văn Đ trình bày: Ngày 26-5-2021 anh có cho bà Nông Thị T vay số tiền là 10.200.000 đồng, vay không lãi suất, hẹn ngày 26-6-2021 sẽ trả. Quá thời hạn trên, mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng bà T không trả như đã thoả thuận. Thực chất số tiền trên là tiền bà T mua thức ăn chăn nuôi (cám gà), do chưa trả được nên hai

bên thống nhất viết giấy vay tiền. Nay anh khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền là 10.200.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên hòa giải bị đơn là bà Nông Thị T trình bày: Vào khoảng năm 2018- 2019 bà có mua cám chăn nuôi gà của anh Chu Văn Đ, số tiền còn nợ là 4.000.000 đồng. Do khó khăn không trả kịp nên anh Đ viết giấy vay tiền với nội dung ngày 26-5-2021 bà vay của anh Đ 10.200.000 đồng hẹn ngày 26-6-2021 sẽ trả. Thực chất bà không được vay tiền của anh Đ mà chỉ nợ 4.000.000 đồng tiền mua cám, anh Đ đã tính lãi 5%/tháng mới thành 10.200.000 đồng. Sau khi viết giấy vay số tiền trên bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ anh Đ ở cùng thôn có bắt của bà 04 con lợn giống về làm dự án, trị giá mỗi con là 1.200.000 đồng, tổng cộng là 4.800.000 đồng, có hàng xóm là bà Hoàng Thị Dung chứng kiến. Sau khi bắt lợn, bà B mới trả được 500.000 đồng, số tiền còn lại 4.300.000 đồng anh Đ có nói sẽ trừ vào tiền cám gà còn nợ. Bà thừa nhận có nợ anh Chu Văn Đ số tiền 10.200.000 đồng, thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của bà, nay anh Đ khởi kiện yêu cầu phải trả số tiền 10.200.000 đồng bà chỉ nhất trí trả số tiền còn lại sau khi trừ đi 4.300.000 đồng tiền lợn giống bà B mẹ anh Đ còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B trình bày: Vào khoảng tháng 2 hoặc tháng 3 năm 2021 (Không nhớ ngày cụ thể), bà có mua của bà Nông Thị T 04 con lợn giống, trị giá mỗi con là 1.200.000 đồng, tổng cộng là 4.800.000 đồng. Sau khi bắt lợn bà mới trả được 500.000 đồng, còn lại 4.300.000 đồng hai bên thống nhất sẽ trừ vào số tiền bà T còn nợ anh Chu Văn Đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 357 và các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nông Thị T phải trả cho anh Chu Văn Đ số tiền còn nợ; bà Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo lời khai của các đương sự thì số tiền nợ được xác định trong giấy vay

tiền thực chất là tiền bị đơn mua thức ăn chăn nuôi của nguyên đơn do đó tranh chấp giữa anh Chu Văn Đ và bà Nông Thị T là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các cá nhân; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã M L- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nông Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Giữa bà Nông Thị T và anh Chu Văn Đ đã xác lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi (cám gà); đến ngày 26-5-2021 hai bên viết giấy nhận nợ với số tiền là 10.200.000 đồng và thống nhất bà T sẽ thanh toán số tiền này cho anh Đ vào ngày 26-6-2021. Đến nay bà T chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho anh Đ là đúng thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nông Thị T phải trả số tiền mua cám còn nợ là 10.200.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Tại phiên hoà giải bị đơn chỉ nhất trí trả số tiền 5.900.000 đồng sau khi trừ đi 4.300.000 đồng tiền lợn giống mẹ anh Đ là bà Nguyễn Thị B còn nợ.

Xét sự phản đối của bị đơn thấy rằng:

Thứ nhất: Tại giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp được bị đơn xác nhận chữ ký thể hiện đầy đủ nội dung bà T vay của anh Đ số tiền 10.200.000 đồng vào ngày 26-5-2021 mà không có một thông tin nào thể hiện đây là số tiền anh Chu Văn Đ đã tính lãi 5%/tháng của số tiền 4.000.000 đồng như lời khai của bà Nông Thị T.

Thứ hai: Cũng theo lời khai của bà Nông Thị T thì sau thời điểm hai bên viết giấy vay tiền, mẹ anh Đ là bà Nguyễn Thị B đã mua của bà 04 con lợn con với số tiền 4.800.000 đồng; bà B mới trả được 500.000 đồng còn lại 4.300.000 đồng các bên thống nhất sẽ trừ vào số tiền bà T nợ anh Đ. Tuy nhiên theo lời khai của anh Chu Văn Đ và bà Nguyễn Thị B thì thời điểm bà B mua lợn của bà T được thực hiện trước khi hai bên viết giấy vay tiền; anh Đ khẳng định đã trừ số tiền bà B mua lợn.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; nếu *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nông Thị T không có đơn yêu cầu phản tố; không xuất trình được một chứng cứ nào để chứng minh số tiền 10.200.000 đồng hai bên viết giấy vay tiền đã bao gồm tiền lãi 5%/tháng của số tiền 4.000.000 đồng; không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh anh Chu Văn Đ chưa khấu trừ số tiền 4.300.000 đồng 04 con lợn giống mà bà Nguyễn Thị B đã bắt trước đó; thậm chí nhiều lần không có mặt theo giấy triệu tập. Đối chiếu quy định đã viện dẫn thì sự phản đối của bị đơn nêu trên không có căn cứ chấp nhận.

Tại khoản 1 điều 440 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”*. Trong vụ án này mặc dù anh Đ đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T vẫn không thanh toán đầy đủ số tiền mua cám là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn Đ có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà Nông Thị T có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên anh Chu Văn Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bà Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ điều 357, điều 430, điều 440 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nông Thị T có nghĩa vụ phải trả cho anh Chu Văn Đ số tiền là 10.200.000đ (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bà Nông Thị T phải chịu 510.000đ (*Năm trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Chu Văn Đ được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002333 ngày 11-5-2022.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Chu Văn Đ và bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án; bà Nông Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô